|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT SÓC SƠN** |  | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2021 - 2022**  **MÔN: SINH HỌC 9** |

1. **THIẾT LẬP MA TRẬN**

**\* Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2 khi kết thúc nội dung: Hệ sinh thái.

**- Thời gian làm bài:** 45 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 30% trắc nghiệm, 70% tự luận).

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 3,0 điểm, mỗi câu 0,25 điểm;

- Phần tự luận: 7,0 điểm

- Nội dung nửa đầu học kì 2: 100%

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | |  | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số câu hỏi** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Ứng dụng di truyền học** | Đặc điểm thoái hóa giống | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | 2,5% |
| Các hiện tượng dẫn tới thoái hóa giống ở TV-ĐV | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | 2.5% |
| Đặc điểm ưu thế lai |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  | 7 | 15% |
| Giải thích về nguyên nhân-kết quả của thoái hóa giống và ưu thế lai |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | 7 | 10% |
| **2** | **Sinh vật và môi trường** | Các đại diện động vật ưa tối - ưa sáng | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | 2,5% |
| Đặc điểm giới hạn sinh thái | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | 2,5% |
| Mối quan hệ giữa các sinh vật | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 3 | 5% |
| **3** | **Hệ sinh thái** | Đặc điểm cơ bản của quần thể- quần xã sinh vật | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 8 | 25% |
| Ảnh hưởng các nhân tố sinh thái lên động vật |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 | 7 | 15% |
| Lưới thức ăn |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 7 | 20% |
| **Tổng** | | | **7** |  | **2** |  | **1** |  | **1** |  | **7** | **4** | **45** | 100% |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10 %** | |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70 %** | | | | **30 %** | | | |  | |  |  |

1. **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo các mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Ứng dụng di truyền học** | Thoái hóa giống- ưu thế lai | **Nhận biết:**  **-** Nêu được các đặc điểm biểu hiện của thoái hóa giống[1]  - Trình bày các nguyên nhân thoái hóa giống[2]  - Nhận biết được biểu hiện của ưu thế lai  **Thông hiểu:**  **-**  Trình bày được khái niệm, đặc điểm của ưu thế lai , nêu được phương pháp tạo ưu thế lai và khắc phục thoái hóa giống[3]  - Nêu được vai trò của phương pháp tự thụ phấn bắt buộc và giao phối cận huyết  - Phân biệt được các phép lai tạo ưu thế lai ở động, thực vật  **Vận dụng cao**:  - Giải thích được nguyên nhân, kết quả của thoái hóa giống và ưu thế lai [4-TL] | 2 | 1 |  | 1 | 4 |
| **2** | **Sinh vật và môi trường** | Ảnh hưởng các nhân tố sinh thái lên đặc điểm hình thái - sinh lí –phân loại sinh vật | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được các đại diện động vật ưa sáng và ưa tối [3]  - Đặc điểm của sinh vật trong các khoảng giới hạn sinh thái [4]  - Kể tên các mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau [5], [6]  - Nêu được các khái niệm về môi trường, nhân tố sinh thái, giới hạn sinh thái  - Nhận biết các môi trường sống của sinh vật ngoài thiên nhiên, các nhân tố sinh thái của môi trường  **Thông hiểu:**  - Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên sinh vật [2-TL]  - Lấy được ví dụ cho các mối quan hệ giữa các sinh vật  **Vận dụng:**  - Lí giải các đặc điểm về hình thái, sinh lí của sinh vật dưới sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái | 4 | 1 |  |  | 5 |
| **3** | **Hệ sinh thái** | Quần thể - quần xã – Hệ sinh thái | **Nhận biết:**  - Nêu định nghĩa về quần thể, quần xã, hệ sinh thái  - Nêu được đặc điểm , đặc trưng cơ bản quần thể, dấu hiệu điển hình của quần xã [1-TL]  **Thông hiểu:**  **-** Phân biệt quần thể, quần xã, hệ sinh thái  - Lấy được ví dụ về quần thể, quần xã, hệ sinh thái  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng kiến thức hòa thành bài tập về chuỗi và lưới thức ăn [3-TL] | 1 |  | 1 |  | 2 |
| **Tổng** | | |  | **7** | ***2*** | ***1*** | ***1*** | ***11*** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |  |

1. **ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ SỐ: 01**

**I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)**

**Chọn một đáp án đúng cho các câu hỏi sau:**

**Câu 1:** Biểu hiện nào sau đây **không** phải của thoái hoá giống:

A. Các cá thể có sức sống kém dần;

B. Sinh trưởng kém, phát triển chậm;

C. Khả năng chống chịu tốt với các điều kiện môi trường;

D. Nhiều bệnh tật xuất hiện.

**Câu 2:** Giao phối cận huyết là:

A. Giao phối giữa các cá thể khác bố mẹ

B. Lai giữa các cây có cùng kiểu gen

C. Giao phối giữa các cá thể có cùng kiểu gen khác nhau

D. Giao phối giữa các cá thể có cùng bố mẹ hoặc giao phối giữa con cái với bố mẹ chúng

**Câu 3:** Động vật nào sau đây là động vật ưa sáng?

A. Gà; B. Muỗi; C. Dơi; D. Cú.

**Câu 4:** Trong giới hạn sinh thái, sinh vật nằm trong khoảng thuận lợi có đặc điểm là:

A. Phát triển thuận lợi nhất; B. Có sức sống trung bình.

C. Có sức sống giảm dần; D. Chết hàng loạt.

**Câu 5:** Các sinh vật cùng loài có những mối quan hệ nào?

1. Hỗ trợ hoặc đối cạnh tranh; C. Hỗ trợ hoặc giúp đỡ;
2. Gíúp đỡ hoặc cộng tác; D. Hỗ trợ hoặc cộng tác.

**Câu 6:** Tảo kết hợp với nấm tạo ra dạng cấu trúc địa y, tảo với nấm có mối quan hệ gì?

A. Hội sinh; B. Cộng sinh; C. Kí sinh; D. Nửa kí sinh.

**Câu 7:** *(1,5 điểm)* **Chọn từ, cụm từ (*kinh tế, thế hệ, F1, biểu hiện, giảm dần, khác dòng*) phù hợp vào các vị trí (1), (2), (3), (4), (5), (6) .**

Ưu thế lai …(1)… cao nhất ở …(2).., sau đó …(3)… qua các ...(4).... Để tạo được ưu thế lai ở cây trồng, người ta chủ yếu dùng phương pháp lai …(5)…, còn trong chăn nuôi thường sử dụng lai …(6)… để sử dụng ưu thế lai.

**II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

**Câu 1:** *(2,5 điểm)* Trình bày những đặc điểm cơ bản của một quần xã sinh vật.

**Câu 2:** *(1,5 điểm)* Nhiệt độ ảnh hưởng tới động vật như thể nào?

**Câu 3:** *(2,0 điểm)* Hãy vẽ một lưới thức ăn, trong đó có các sinh vật: lá cây, bò, châu chấu , gà, hổ, cáo, chim, vi sinh vật.

**Câu 4:** *(1,0 điểm)* Vì sao tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật qua nhiều thế hệ có thể gây ra hiện tượng thoái hóa?

**ĐỀ SỐ: 02**

**I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)**

**Chọn một đáp án đúng cho từng các câu hỏi sau:**

**Câu 1:** Biểu hiện của thoái hoá giống là:

A. Con lai có sức sống cao hơn bố mẹ chúng;

B. Con lai sinh trưởng mạnh hơn bố mẹ;

C. Năng suất thu hoạch luôn được tăng lên;

D. Con lai có sức sống kém dần.

**Câu 2:** Tự thụ phấn là hiện tượng xảy ra giữa:

A. Hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau;

B. Hoa đực và hoa cái trên cùng một cây;

C. Hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau và mang kiểu gen khác nhau;

D. Hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau nhưng mang kiểu gen giống nhau.

**Câu 3:** Động vật nào sau đây là động vật ưa tối?

A. Trâu; B. Gà; C. Dơi; D. Bò.

**Câu 4:** Trong giới hạn sinh thái, sinh vật nằm trong khoảng chống chịu có đặc điểm là:

A. Bị chết hàng loạt; C. Bị ức chế về các hoạt động sinh lý;

B. Sinh sản thuận lợi nhất; D. Phát triển thuận lợi nhất.

**Câu 5:** Cácsinh vật khác loài có những mối quan hệ nào?

1. Hỗ trợ hoặc đối địch; C. Hỗ trợ hoặc giúp đỡ;
2. Gíúp đỡ hoặc cộng tác; D. Hỗ trợ hoặc cộng tác.

**Câu 6:** Địa y bám trên cây, giữa địa y và cây có mối quan hệ gì?

A. Hội sinh; B. Cộng sinh; C. Kí sinh; D. Nửa kí sinh

**Câu 7:** *(1,5 điểm)* **Chọn từ, cụm từ (*tốt, cơ thể, sinh trưởng, sức sống, vượt trội, năng suất*) phù hợp vào các vị trí (1), (2), (3), (4), (5), (6).**

Ưu thế lai là hiện tượng …(1).. lai F1 có …(2)… cao hơn, …(3)… nhanh hơn, phát triển mạnh hơn, chống chịu …(4)… hơn, các tính trạng …(5)… cao hơn trung bình giữa hai bố mẹ hoặc …(6)… hơn cả hai bố mẹ.

**II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

**Câu 1:** *(2,0 điểm)* Trình bày các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật.

**Câu 2:** *(1,5 điểm)* Ánh sáng có ảnh hưởng đến động vật như thế nào?

**Câu 3:** *(2,5 điểm)* Hãy vẽ một lưới thức ăn, trong đó có các sinh vật: Cỏ, dê, thỏ, gà, hổ, cáo, mèo rừng, vi sinh vật.

**Câu 4:** *(1,0 điểm)* Tại sao ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở thế hệ F1, sau đó giảm dần qua các thế hệ?

1. **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM**

**ĐỀ SỐ: 01**

**I.TRẮC NGHIỆM *(3,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | C | 0,25 |
| **2** | D | 0,25 |
| **3** | A | 0,25 |
| **4** | A | 0,25 |
| **5** | A | 0,25 |
| **6** | B | 0,25 |
| **7**  **(1,5 điểm)** | 1 – biểu hiện | 0,25 |
| 2 – F1 | 0,25 |
| 3 – giảm dần | 0,25 |
| 4 – thế hệ | 0,25 |
| 5 – khác dòng | 0,25 |
| 6 – kinh tế | 0,25 |

**II. TỰ LUẬN *(7,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(2,5 điểm)** | \* Những đặc điểm cơ bản của một quần xã gồm:  - Số lượng các loài trong quần xã gồm các chỉ số:  + Độ đa dạng: mức độ phong phú về số lượng loài trong quần thể  + Độ nhiều: mật độ cá thể của từng loài trong quần xã  + Độ thường gặp: tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát  - Thành phần loài trong quần xã:  + Loài ưu thế: loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã  + Loài đặc trưng: loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác. | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **2**  **(1,5 điểm)** | - Nhiệt độ ảnh hưởng đến đặc điểm hình thái động vật:  +Sống ở vùng nóng: Có bộ lông thưa ngắn hơn, kích thước nhỏ hơn  + Sống vùng lạnh: chim, thú có bộ lông dày và dài hơn, kích thước cơ thể lớn hơn.  - Nhiệt độ ảnh hưởng đến hoạt động sinh lí của sinh vật:  + Khi nhiệt độ môi trường quá cao: một số động vật có tập tính ngủ hè, chui vào hang để tránh nơi nóng.  + Khi nhiệt độ môi trường quá lạnh: môt số có tập tính ngủ đông, di cư.  - Dựa vào ảnh hưởng nhiệt độ chia 2 nhóm động vật: biến nhiệt và hằng nhiệt | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **3**  **(2,0 điểm)** | Lưới thức ăn là gì? Cấu trúc của một lưới đơn giản - AnToanAZ | 2,0 |
| **4**  **(1,0 điểm)** | - Tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật qua nhiều thế hệ có thể gây ra hiện tượng thoái hóa do:  + Các gen lặn có hại chuyển từ trạng thái dị hợp sang trạng thái đồng hợp  + Các tính trạng có hại sẽ được biểu hiện thành kiểu hình, ảnh hưởng đến năng suất, sức sống của thế hệ tiếp theo. | 0,5  0,5 |

**ĐỀ SỐ 02**

**I.TRẮC NGHIỆM *(3,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | D | 0,25 |
| **2** | B | 0,25 |
| **3** | C | 0,25 |
| **4** | C | 0,25 |
| **5** | A | 0,25 |
| **6** | A | 0,25 |
| **7**  **(1,5 điểm)** | 1 – cơ thể | 0,25 |
| 2 – sức sống | 0,25 |
| 3 – sinh trưởng | 0,25 |
| 4 – tốt | 0,25 |
| 5 – năng suất | 0,25 |
| 6 – vượt trội | 0,25 |

**II. TỰ LUẬN *(7,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(2,5 điểm)** | \* Những đặc trưng của quần thể gồm: tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi, mật độ.  - Tỉ lệ giới tính:  + là tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực/cá thể cái  + Tỉ lệ giới tính thay đổi theo nhóm tuổi, phụ thuộc vào sự tử vong không đồng đều giữa cá thể đực và cái  - Thành phần nhóm tuổi:  + Có 3 nhóm tuổi là: trước sinh sản, sinh sản, sau sinh sản  + Dùng biểu đồ tháp biểu thị thành phần nhóm tuổi  - Mật độ quần thể là:  + Số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích  + Mật độ không cố định thay đổi theo mùa, năm; phụ thuộc chu kì sống của sinh vật | 1,0  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2**  **(1,5 điểm)** | \*Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống động vật:  - Tạo điều kiện cho động vật nhận biết vật , định hướng di chuyển  - Ảnh hưởng tới khả năng sinh trưởng, sinh sản của động vật  - Dựa theo khả năng thích nghi với điều kiện chiếu sáng, chia 2 nhóm động vật:  + Nhóm động vật ưa sáng: gồm những động vật hoạt động ban ngày  + Nhóm động vật ưa tối: gồm những động vật hoạt động vào ban đêm | 0,5  0,5  0,25  0,25 |
| **3**  **(2,0 điểm)** |  | 2,0 |
| **4**  **(1,0 điểm)** | - Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở F1, sau đó giảm dần qua các thế hệ vì:  + Con lai F1 là cơ thể dị hợp, nếu đem các con lai F1 giao phối với nhau thì ở đời sau, tỉ lệ dị hợp giảm, tỉ lệ đồng hợp tăng🡺 các gen lặn sẽ tổ hợp lại 🡺tạo thể đồng hợp lặn  + Các tính trạng có hại sẽ được biểu hiện thành kiểu hình, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm của các thế hệ tiếp theo. | 0,5  0,5 |